

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC KỲ I / 2014-2015

TOÀN TRƯỜNG

BẬC ĐÀO TẠO	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN												GHI CHÚ		
	TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		T/B.Khá		Trung Bình		Yếu			Kém	
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP	551	51	112	439	0	0.00	9	1.63	60	10.89	129	23.41	171	31.03	115	20.87	67	12.16	
CAO ĐẲNG	2414	145	490	1924	9	0.37	44	1.82	274	11.35	703	29.12	825	34.18	452	18.72	107	4.43	
TỔNG TOÀN TRƯỜNG	2,965	196	602	2,363	9	0.30	53	1.79	334	11.26	832	28.06	996	33.59	567	19.12	174	5.87	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TTGD VÀ CTSV

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



(Handwritten signature)

Nguyễn Thanh Lâm

Lương Xuân Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC SINH: HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014-2015

Bậc đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp

S TT	KHÓA LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN												GHI CHÚ			
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		T.B.Khá		Trung Bình		Yếu					Kém
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
KHỐI 2013 TCCN = 09 Lớp SS.T3																					
1	13TC-ĐT	12		3	9	0	0.00	0	0.00	1	8.33	3	25.00	3	25.00	5	41.67	0	0.00		
2	13TC-Đ1	23		0	23	0	0.00	0	0.00	1	4.35	2	8.70	9	39.13	11	47.83	0	0.00		
3	13TC-Đ2	29		6	23	0	0.00	0	0.00	5	17.24	10	34.48	9	31.03	5	17.24	0	0.00		
4	13TC-ĐL	25		6	19	0	0.00	0	0.00	3	12.00	8	32.00	10	40.00	3	12.00	1	4.00		
5	13TC-CKT	26		4	22	0	0.00	1	3.85	3	11.54	7	26.92	4	15.38	11	42.31	0	0.00		
6	13TC-Ô1	24		4	20	0	0.00	2	8.33	6	25.00	11	45.83	2	8.33	2	8.33	1	4.17		
7	13TC-Ô2	26		3	23	0	0.00	1	3.85	7	26.92	9	34.62	5	19.23	3	11.54	1	3.85		
8	13TC-MT	21	21	2	19	0	0.00	3	14.29	14	66.67	4	19.05	0	0.00	0	0.00	0	0.00		
9	13TC-QTM	23		6	17	0	0.00	1	4.35	1	4.35	6	26.09	7	30.43	6	26.09	2	8.70		
TỔNG: 2013		209	21	34	175	0	0.00	8	3.83	41	19.62	60	28.71	49	23.44	46	22.01	5	2.39		

S TT	KHÓA LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN																GHI CHÚ			
		TỔNG		NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		T.B.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
							SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
KHÓA 2014 TCCN= 09 Lớp SS.T4																									
1	14TC-ĐT	13		3	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	15.38	5	38.46	1	7.69	5	38.46						
2	14TC-ĐI	65		14	51	0	0.00	0	0.00	1	1.54	6	9.23	25	38.46	18	27.69	15	23.08						
3	14TC-ĐL	43		10	33	0	0.00	1	2.33	10	23.26	15	34.88	9	20.93	3	6.98	5	11.63						
4	14TC-CKT	42		8	34	0	0.00	0	0.00	1	2.38	2	4.76	20	47.62	13	30.95	6	14.29						
5	14TC-CKP	17		4	13	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	17.65	8	47.06	5	29.41	1	5.88						
6	14TC-Ô1	52		11	41	0	0.00	0	0.00	1	1.92	9	17.31	16	30.77	12	23.08	14	26.92						
7	14TC-Ô2	54		15	39	0	0.00	0	0.00	0	0.00	8	14.81	21	38.89	11	20.37	14	25.93						
8	14TC-MT	33	29	5	28	0	0.00	0	0.00	4	12.12	16	48.48	10	30.30	2	6.06	1	3.03						
9	14TC-QTM	23	1	8	15	0	0.00	0	0.00	2	8.70	8	34.78	8	34.78	4	17.39	1	4.35						
TỔNG: 2014		342	30	78	264	0	0.00	1	0.29	19	5.56	69	20.18	122	35.67	69	20.18	62	18.13						
TỔNG TCCN 18 LỚP		551	51	112	439	-	0.00	9	1.63	60	10.89	129	23.41	171	31.03	115	20.87	67	12.16						

TRƯỞNG PHÒNG TTGD VÀ CTSV



Nguyễn Thanh Lâm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHỔ HIỆN TRƯỞNG



Lương Xuân Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN: HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014-2015

Bậc đào tạo: Cao đẳng

S TT	KHỐI LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN												GHI CHÚ		
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		T.B.Khá		Trung Bình		Yếu			Kém	
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%
KHÓA 2012 (16 LỚP) SS.T3																				
1	12CD-DT1	36		8	28	0	0.00	0	0.00	5	13.89	13	36.11	14	38.89	4	11.11	0	0.00	
2	12CD-DT2	40		13	27	0	0.00	0	0.00	1	2.50	11	27.50	20	50.00	8	20.00	0	0.00	
3	12CD-DT3	27		8	19	1	3.70	0	0.00	3	11.11	8	29.63	10	37.04	4	14.81	1	3.70	
4	12CD-D1	42		3	39	0	0.00	0	0.00	2	4.76	5	11.90	11	26.19	23	54.76	1	2.38	
5	12CD-D2	42		8	34	0	0.00	1	2.38	3	7.14	7	16.67	22	52.38	6	14.29	3	7.14	
6	12CD-D3	40		4	36	0	0.00	0	0.00	2	5.00	10	25.00	15	37.50	8	20.00	5	12.50	
7	12CD-NL1	32		8	24	0	0.00	3	9.38	2	6.25	13	40.63	9	28.13	5	15.63	0	0.00	
8	12CD-NL2	31		7	24	0	0.00	2	6.45	3	9.68	16	51.61	6	19.35	3	9.68	1	3.23	
9	12CD-CK1	44		10	34	1	2.27	0	0.00	6	13.64	15	34.09	15	34.09	7	15.91	0	0.00	
10	12CD-CK2	44		6	38	0	0.00	0	0.00	7	15.91	15	34.09	15	34.09	7	15.91	0	0.00	
11	12CD-CK3	42		12	30	0	0.00	1	2.38	7	16.67	12	28.57	14	33.33	8	19.05	0	0.00	
12	12CD-Ô1	39		12	27	0	0.00	4	10.26	12	30.77	18	46.15	3	7.69	2	5.13	0	0.00	
13	12CD-Ô2	42		14	28	0	0.00	0	0.00	7	16.67	23	54.76	7	16.67	5	11.90	0	0.00	
14	12CD-M	27	23	11	16	2	7.41	3	11.11	18	66.67	4	14.81	0	0.00	0	0.00	0	0.00	
15	12CD-TP1	51	2	23	28	0	0.00	2	3.92	5	9.80	18	35.29	12	23.53	14	27.45	0	0.00	
16	12CD-TM1	62	6	28	34	1	1.61	2	3.23	3	4.84	23	37.10	19	30.65	14	22.58	0	0.00	
TỔNG: 2012		641	31	175	466	5	0.78	18	2.81	86	13.42	211	32.92	192	29.95	118	18.41	11	1.72	

S TT	KHỐI LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN												GHI CHÚ				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		T.B.Khá		Trung Bình		Yếu			Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%
KHÓA 2013 (24 LỚP) SS.T3																						
1	13CD-DT1	31	1	2	29	0	0.00	0	0.00	1	3.23	4	12.90	13	41.94	10	32.26	3	9.68			
2	13CD-DT2	34		5	29	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5	14.71	13	38.24	14	41.18	2	5.88			
3	13CD-DT3	31		6	25	0	0.00	0	0.00	1	3.23	7	22.58	11	35.48	8	25.81	4	12.90			
4	13CD-DT4	25		3	22	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	16.00	9	36.00	10	40.00	2	8.00			
5	13CD-D1	35		4	31	0	0.00	1	2.86	0	0.00	7	20.00	21	60.00	5	14.29	1	2.86			
6	13CD-D2	35		0	35	0	0.00	0	0.00	1	2.86	6	17.14	18	51.43	10	28.57	0	0.00			
7	13CD-D3	40		6	34	0	0.00	0	0.00	0	0.00	8	20.00	19	47.50	10	25.00	3	7.50			
8	13CD-D4	38		5	33	0	0.00	1	2.63	0	0.00	1	2.63	10	26.32	17	44.74	9	23.68			
9	13CD-NL1	28	1	4	24	0	0.00	0	0.00	5	17.86	8	28.57	9	32.14	5	17.86	1	3.57			
10	13CD-NL2	28		7	21	0	0.00	0	0.00	1	3.57	4	14.29	14	50.00	9	32.14	0	0.00			
11	13CD-CK1	45		1	44	0	0.00	0	0.00	2	4.44	11	24.44	29	64.44	3	6.67	0	0.00			
12	13CD-CK2	47		7	40	0	0.00	2	4.26	3	6.38	13	27.66	21	44.68	8	17.02	0	0.00			
13	13CD-CK3	43		4	39	0	0.00	1	2.33	3	6.98	10	23.26	14	32.56	14	32.56	1	2.33			
14	13CD-CK4	41		5	36	0	0.00	0	0.00	3	7.32	14	34.15	15	36.59	7	17.07	2	4.88			
15	13CD-CK5	44		4	40	0	0.00	1	2.27	0	0.00	9	20.45	25	56.82	9	20.45	0	0.00			
16	13CD-Ô1	44	1	10	34	0	0.00	1	2.27	3	6.82	14	31.82	15	34.09	10	22.73	1	2.27			
17	13CD-Ô2	44		8	36	0	0.00	0	0.00	4	9.09	11	25.00	15	34.09	11	25.00	3	6.82			
18	13CD-Ô3	44		9	35	0	0.00	0	0.00	8	18.18	21	47.73	4	9.09	10	22.73	1	2.27			
19	13CD-Ô4	50		7	43	0	0.00	2	4.00	7	14.00	20	40.00	11	22.00	7	14.00	3	6.00			
20	13CD-M	57	53	9	48	2	3.51	2	3.51	22	38.60	25	43.86	6	10.53	0	0.00	0	0.00			
21	13CD-TP1	40	6	13	27	0	0.00	0	0.00	2	5.00	8	20.00	16	40.00	13	32.50	1	2.50			
22	13CD-TP2	33	2	4	29	0	0.00	0	0.00	3	9.09	9	27.27	7	21.21	12	36.36	2	6.06			
23	13CD-TM1	38	5	10	28	1	2.63	1	2.63	7	18.42	15	39.47	10	26.32	4	10.53	0	0.00			
24	13CD-TM2	38	3	10	28	0	0.00	1	2.63	5	13.16	12	31.58	9	23.68	11	28.95	0	0.00			
TỔNG: 2012		933	72	143	790	3	0.32	13	1.39	81	8.68	246	26.37	334	35.80	217	23.26	39	4.18			

S TT	KHỐI LỚP	SỐ SỐ			KẾT QUẢ RÈN LUYỆN												GHI CHÚ			
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		T.B.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL		%	SL	%
KHÓA 2014(18 LỚP) SS.T4																				
1	14CD-ĐT1	52		7	45	0	0.00	0	0.00	3	5.77	13	25.00	22	42.31	11	21.15	3	5.77	
2	14CD-ĐT2	55		5	50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	7.27	30	54.55	14	25.45	7	12.73	
3	14CD-ĐT1	51		11	40	0	0.00	1	1.96	4	7.84	4	7.84	23	45.10	14	27.45	5	9.80	
4	14CD-ĐT2	48		3	45	0	0.00	0	0.00	0	0.00	7	14.58	29	60.42	9	18.75	3	6.25	
5	14CD-NL1	39		10	29	0	0.00	0	0.00	3	7.69	21	53.85	7	17.95	4	10.26	4	10.26	
6	14CD-CK1	47	2	13	34	0	0.00	0	0.00	2	4.26	8	17.02	35	74.47	2	4.26	0	0.00	
7	14CD-CK2	46		6	40	0	0.00	0	0.00	3	6.52	13	28.26	27	58.70	3	6.52	0	0.00	
8	14CD-CK3	43		6	37	0	0.00	0	0.00	0	0.00	18	41.86	16	37.21	7	16.28	2	4.65	
9	14CD-CK4	44		9	35	0	0.00	0	0.00	2	4.55	9	20.45	20	45.45	11	25.00	2	4.55	
10	14CD-Ô1	54		19	35	1	1.85	2	3.70	18	33.33	21	38.89	7	12.96	0	0.00	5	9.26	
11	14CD-Ô2	53		3	50	0	0.00	0	0.00	3	5.66	14	26.42	26	49.06	6	11.32	4	7.55	
12	14CD-Ô3	55		9	46	0	0.00	1	1.82	9	16.36	28	50.91	13	23.64	2	3.64	2	3.64	
13	14CD-Ô4	57		15	42	0	0.00	5	8.77	36	63.16	15	26.32	1	1.75	0	0.00	0	0.00	
14	14CD-Ô5	54		10	44	0	0.00	0	0.00	5	9.26	29	53.70	7	12.96	7	12.96	6	11.11	
15	14CD-M1	38	36	4	34	0	0.00	4	10.53	12	31.58	18	47.37	1	2.63	0	0.00	3	7.89	
16	14CD-TP1	38		13	25	0	0.00	0	0.00	4	10.53	8	21.05	20	52.63	5	13.16	1	2.63	
17	14CD-TP2	36	3	15	21	0	0.00	0	0.00	1	2.78	10	27.78	8	22.22	13	36.11	4	11.11	
18	14CD-TM1	30	1	14	16	0	0.00	0	0.00	2	6.67	6	20.00	7	23.33	9	30.00	6	20.00	
TỔNG: 2014		840	42	172	668	1	0.12	13	1.55	107	12.74	246	29.29	299	35.60	117	13.93	57	6.79	
TỔNG CĐKI 581		2414	145	490	1924	9	0.37	44	1.82	274	11.35	703	29.12	825	34.18	452	18.72	107	4.43	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TTGD VÀ CTSV

(Signature)



Nguyễn Thanh Lâm

Lương Xuân Chính